

Số: 295/2024/QĐST-HNGĐ

Chợ Lách, ngày 09 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ, 04/3/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Ngọc H, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976;

2. Bà Cao Thị Ngọc Á, sinh năm 1981.

Cùng cư trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Ngọc H và anh Phan Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Cao Thị Ngọc H trực tiếp nuôi 02 cháu Phan Nhựt A, sinh ngày 13/10/2007 và Phan Nhựt T1, sinh ngày 20/12/2019 hiện nay đang sống chung với chị H; anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về chia tài sản khi ly hôn:

Về tài sản chung: Chị Cao Thị Ngọc H, anh Phan Văn T và anh Nguyễn Văn H1, chị Cao Thị Ngọc Á thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc mua bán đất đề ngày 19/02/2023 (chứng thực ngày 21/01/2024) đối với phần đất có diện tích 222,5m² thuộc một phần thửa 61, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị Cao Thị Ngọc H được sở hữu 400.000.000 đồng, anh Phan Văn T được sở hữu 400.000.000 đồng do anh Nguyễn Văn H1 và chị Cao Thị Ngọc Á có nghĩa vụ liên đới hoàn trả. Chị Cao Thị Ngọc H và anh Phan Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H1, chị Cao Thị Ngọc Á phần đất có diện tích 222,5m² thuộc một phần thửa 61, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất gồm nhà chính hiện trạng khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic, mái lợp tol tráng kẽm, trần nhựa, diện tích 73,7m², nhà phụ gắn liền với nhà chính hiện trạng khung cột bê tông cốt thép, vách tường lửng và vách tol, mái lợp tol tráng kẽm, diện tích 21,45m² (vị trí phần đất: Phía Bắc giáp thửa 60 dài 39,59 mét, phía Nam giáp phần còn lại thửa 61 dài 39,68 mét, phía Đông giáp thửa 39 dài 6,02 mét, phía Tây giáp đường huyện dài 5,96 mét). Thời hạn chị Cao Thị Ngọc H, anh Phan Văn T và anh Nguyễn Văn H1, chị Cao Thị Ngọc Á phải thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 01/11/2024. Chị Cao Thị Ngọc H và anh Phan Văn T phải giữ nguyên hiện trạng phần đất và các tài sản gắn liền với đất khi hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H1, chị Cao Thị Ngọc Á.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về nợ chung: Chị Cao Thị Ngọc H và anh Phan Văn T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí ly hôn chị **Cao Thị Ngọc H** tự nguyện chịu nên phải nộp 150.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần chia tài sản chung chị **Cao Thị Ngọc H** phải nộp 10.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001452, ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nên chị **Cao Thị Ngọc H** phải tiếp tục nộp 9.850.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần chia tài sản chung anh **Phan Văn T** phải nộp 10.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000972, ngày 26/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nên anh **Phan Văn T** được hoàn trả lại 4.500.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch anh **Nguyễn Văn H1** và chị **Cao Thị Ngọc Á** tự nguyện chịu nên phải nộp 150.000 đồng.

Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản anh **Phan Văn T** tự nguyện chịu 3.129.000 đồng đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV&THA) (1b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách,
tỉnh Bến Tre (Đăng ký kết hôn số: 74, ngày
09/7/2018) (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (3b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Việt Thiện